

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST

Ngày: 07-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Xuân Tùng

2. Ông Đinh Um

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Ngãi – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM VĂN T**- Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981; tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký tạm trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn L (sinh năm 1959 - còn sống) và bà Phạm Thị P (đã chết); vợ: Phạm Thị P, sinh năm 1983 và một con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2019 cho đến nay (có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T:* Ông Nguyễn Xuân P- Trợ giúp viên pháp lý Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở làm việc: Số 108, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

* *Người bị hại:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1969 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

* *Người làm chứng:*

- Bà Đặng Thị A, sinh năm 1981 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn S, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người phiên dịch:* Ông Phạm Văn C- Cán bộ Ủy ban nhân dân xã B, huyện B (phiên dịch tiếng Hre). (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 50 phút, ngày 06/10/2019, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô BKS 76K1-102.89 đi từ xã P, huyện Đ về nhà tại thôn M, xã B, huyện B; khi đi đến đoạn Km18+450, Quốc lộ 24 thuộc thôn H, xã B, Phạm Văn T nhìn thấy xe mô tô BKS 76K1- 027.46 do ông Phạm Văn L điều khiển hướng từ xã B1 đi xã B2 đang chạy đánh võng trên đường, Phạm Văn T liền điều khiển xe mô tô qua phần đường bên trái (phần đường của xe ngược chiều) để tránh, cùng lúc đó ông Phạm Văn L cũng điều khiển xe mô tô qua phần đường bên phải theo hướng đi của mình, do khoảng cách gần nên cả ông Phạm Văn L và Phạm Văn T không kịp điều khiển xe mô tô để né tránh, dẫn đến bánh trước của xe mô tô BKS 76K1- 027.46 do ông Phạm Văn L điều khiển va chạm với cần chân thắng và gác chân trước bên phải của xe mô tô BKS 76K1-102.89 do Phạm Văn T điều khiển. Vụ va chạm làm ông L ngã xuống mặt đường gây chấn thương sọ não, tụ máu não. Ông L được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đà Nẵng, đến ngày 07/10/2019 thì tử vong. Phạm Văn T bị thương nhẹ được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Đa khoa Quảng Ngãi sau đó trở về nhà.

Qua công tác khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, thực nghiệm điều tra, lời khai của Phạm Văn T và các tài liệu chứng cứ khác cho thấy: Nguyên nhân chính xảy ra vụ tai nạn giao thông trên là do Phạm Văn T điều khiển xe mô tô BKS 76K1-102.89 đi không đúng làn đường, phần đường theo quy định,

nên xảy ra tai nạn giao thông (va chạm với xe mô tô 76K1- 027.46 do ông Phạm Văn L điều khiển hướng ngược lại).

Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện là lốp bánh trước của xe mô tô 76K1- 027.46 với đầu cần chân thắng và gác chân trước bên phải của xe mô tô 76K1-102.89.

Vị trí va chạm đầu tiên trên mặt đường giữa hai phương tiện là khu vực của vệt số 3, thuộc phần đường phía Đông Nam của xe mô tô 76K1-027.46 do ông Phạm Văn L điều khiển theo hướng từ xã B1 đi xã B2.

Kết luận giám định số 71/TT, ngày 10/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi kết luận nguyên nhân dẫn đến tử vong của Phạm Văn L là do chấn thương sọ não gây tụ máu nội sọ.

- Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền xe đưa ông L đi cấp cứu, tiền mai táng phí, tiền tổn thất về tinh thần và tiền nuôi dưỡng cha, mẹ già của ông Phạm Văn L với tổng số tiền 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng). Hiện nay, bị cáo chưa bồi thường được gì cho gia đình người bị hại.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 76K1 – 027.46 bị hư hỏng, người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu sửa chữa hay bồi thường gì

- Tại phiên tòa Phạm Văn T khai nhận: Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 06/10/2019 bị cáo điều khiển xe mô tô BKS 76K1-10289 đi từ xã P, huyện Đ về nhà tại thôn M, xã B, huyện B, khi đi đến đoạn đường phía trên Trạm cân QL24 thuộc thôn H, xã B, huyện B thì phát hiện xe mô tô BKS 76K1-027.46 đi ngược chiều, có biểu hiện chạy đánh võng trên đường. Bị cáo sợ xảy ra va chạm nên điều khiển xe mô tô 76K1-102.89 né qua phần đường bên trái theo hướng đi của mình, cùng lúc đó xe mô tô chạy ngược chiều phía trước, cũng chạy qua phần đường bên phải theo hướng đi của xe mô tô chạy ngược chiều. Do khoảng cách gần bị cáo không kịp tránh né dẫn đến gây ra tai nạn. Bị cáo khai nhận tại thời điểm gây tai nạn giao thông đường bộ, bị cáo chưa có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 17-4-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định khoản 02 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Về hình phạt: đề nghị áp dụng điểm a, khoản 02 Điều 260; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 36 đến 42 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo bồi thường tiền thuê xe đưa bị hại đi cấp cứu, tiền mai táng phí, tiền tổn thất về tinh thần và tiền nuôi dưỡng cha, mẹ già của ông Phạm Văn L với tổng số tiền 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Đối với chiếc xe mô tô BKS 76K1 – 027.46 bị hư hỏng, người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu sửa chữa hay bồi thường gì nên đề nghị miễn xét.

* Về xử lý vật chứng đề nghị:

Trả lại xe mô tô BKS 76K1 – 027.46, màu sơn: Đen, số máy: 10318267, số khung: 014010, hiệu DAME cho gia đình người bị hại.

Trả lại xe mô tô BKS 76K1 – 102.89, màu sơn: Đen, số khung: 3803GY016454, số máy: JA38E0062290, hiệu HON DA cho bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần tiếp tục duy trì lệnh tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a, khoản 02 Điều 260; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T 03 năm tù cho hưởng án treo.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố, bị cáo không có tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay người làm chứng bà Đặng Thị A, ông Nguyễn S vắng mặt không lý do. Xét thấy bà Đặng Thị A, ông Nguyễn S quá trình điều tra đã có bản khai, nên không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bà Đặng Thị A, ông Nguyễn S theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng

hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T, người đại diện hợp pháp cho người bị hại đã chết không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[3] Về tội danh theo truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Phạm Văn T Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tư đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phúc cung của Viện kiểm sát và phù hợp khách quan với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm xe mô tô, biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 06/10/2019 tại Km18+450, QL24, thuộc thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô BKS 76K1-10289 khi không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, đi không đúng làn đường, phần đường theo quy định, nên dẫn đến va chạm với xe mô tô 76K1- 027.46 do ông Phạm Văn L điều khiển hướng ngược lại. Hậu quả làm cho ông Phạm Văn L bị ngã xuống mặt đường, bị chấn thương sọ não gây tụ máu nội sọ và dẫn đến tử vong. Bản thân bị cáo cũng bị thương và làm hai xe mô tô hư hỏng.

[4] Căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định dấu vết va chạm, lời khai của bị cáo, lời khai người làm chứng thấy rằng: Vụ tai nạn giao thông trên nguyên nhân chính là do Phạm Văn T điều khiển xe mô tô 76K1- 102.89 khi không có giấy phép lái xe của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đi không đúng phần đường của mình chạy lấn sang phần đường của xe ngược chiều. Ngoài ra, hành vi trên gây hậu quả nghiêm trọng làm chết một người là vi phạm quy định tại khoản 9, 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008.

[5] Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự . Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tư truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại về tính mạng và tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội và an toàn giao thông trên địa bàn. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: không có

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo Phạm Văn T đã thành khẩn khai báo, tại phiên tòa đại diện hợp pháp cho người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[8] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy cần phải áp dụng hình phạt tù trong khung hình phạt cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 591 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 03/HĐTP-TATC ngày 08/07/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định chi tiết về vấn đề bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tính mạng, sức khỏe, tài sản bị xâm phạm thấy:

Đại diện gia đình bị hại Phạm Văn L yêu cầu bị cáo Phạm Văn T bồi thường thiệt hại về mặt thể chất tinh thần; chi phí mai táng cho ông L; tiền xe đưa đi cấp cứu. Tổng cộng là 70.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T tự nguyện chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường của đại diện bị hại.

Xét việc tự nguyện thỏa thuận đảm bảo quyền lợi của các bên, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận bị cáo bồi thường số tiền 70.000.000 đồng

[10] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô BKS 76k1 – 027.46, màu sơn: Đen, số máy: 10318267, số khung: 014010, hiệu DAME xác định của ông Phạm Văn L, nên trả lại cho gia đình ông Phạm Văn L quản lý, sử dụng thông qua người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị L.

Đối với xe mô tô BKS 76k1 – 102.89, màu sơn: Đen, số khung: 3803GY016454, số máy: JA38E0062290, hiệu HONDA xác định của bị cáo Phạm Văn T, nên trả lại cho bị cáo quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, hiện nay về trách nhiệm dân sự bị cáo chưa bồi thường xong nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự về sau.

[11] Về án phí: Xét thấy bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Các Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 584, 585, 591 và Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Văn T có trách nhiệm bồi thường cho đại diện của bị hại ông Phạm Văn L số tiền 70.000.000 đồng(bảy mươi triệu đồng).Số tiền này giao cho bà Nguyễn Thị L là người đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại Phạm Văn L nhận.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả cho bà Nguyễn Thị L 01 xe mô tô BKS 76k1 – 027.46, màu sơn: Đen, số máy: 10318267, số khung: 014010, hiệu DAME.

Trả cho bị cáo Phạm Văn T 01 xe mô tô BKS 76k1 – 102.89, màu sơn: Đen, số khung: 3803GY016454, số máy: JA38E0062290, hiệu HONDA. Nhưng tiếp tục tạm giữ xe mô tô BKS 76k1 – 102.89, màu sơn: Đen, số khung: 3803GY016454, số máy: JA38E0062290, hiệu HONDA của Phạm Văn T để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2020)

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND T. Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp T. Quảng Ngãi
- VKS H.Ba Tơ;
- THA DS H.Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ
- (Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Người bào chữa;
- Các đương sự;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Ngoan